**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4- ĐỊA LÍ 12**

**NỘI DUNG ÔN TẬP BÀI 26,27,28, THỰC HÀNH, ATLAT**

**Câu 1.** Đây là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay.

A. Hoá chất - phân bón - cao su. B. Luyện kim.

C. Chế biến gỗ và lâm sản. D. Sành - sứ - thuỷ tinh.

**Câu 2.** Đây là trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất của Duyên hải miền Trung.

A. Thanh Hoá. B. Vinh. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

**Câu 3**. Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp

nước ta.

A. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

B. Tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.

C. Cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.

D. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

**Câu 4.** Đây không phải là một đặc điểm quan trọng của các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay :

A. Có thế mạnh lâu dài để phát triển.

B. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.

C. Có tác động đến sự phát triển các ngành khác.

D. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm.

**Câu 5.**Theo cách phân loại hiện hành nước ta có:

A. 2 nhóm với 28 ngành. B. 3 nhóm với 29 ngành.

C. 4 nhóm với 30 ngành. D. 5 nhóm với 31 ngành.

**Câu 6.** Ý nào sau *đây không phải* là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

A. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

B. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.

C. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

D. Đẩ y mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**Câu 7.** Ba vùng có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 80% sản lượng của cả nước là

A. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long

B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ

C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ

D. Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 8.** Điểm nào sau đây không phải là kết quả trực tiếp của việc đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ trong công nghiệp ?

A. Hạ giá thành sản phẩm B. Tăng năng suất lao động

C. Đa dạng hóa sản phẩm D. Nâng cao chất lượng

**Câu 9.**Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là :

A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn C. Đồng bằng sông Hồng. D. Cà Mau.

**Câu 10.** Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là :

A. Sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.

B. Miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.

C. Sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.

D. Sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.

**Câu 11.** Dầu mỏ, khí đốt có tiềm năng và triển vọng lớn của nước ta tập trung ở :

A. Bể trầm tích sông Hồng. B. Bể trầm tích Thổ Chu - Mã Lai.

C. Bể trầm tích Cửu Long. D. Bể trầm tích Nam Côn Sơn.

**Câu 12.** Đây là đặc điểm của ngành chế biến sản phẩm chăn nuôi.

A. Gắn liền với các vùng chăn nuôi bò sữa và bò thịt.

B. Chưa phát triển mạnh vì thị trường tiêu thụ bị hạn chế.

C. Gắn liền với các thành phố lớn vì có nhu cầu thị trường.

D. Chưa phát triển mạnh vì ngành chăn nuôi để lấy thịt và sữa còn yếu.

**Câu 13.** Vùng trồng và chế biến thuốc lá hàng đầu của nước ta hiện nay là :

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ.

C. Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 14**. Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là :

A. Có thị trường xuất khẩu rộng mở.

B. Có nguồn lao động dồi dào, lương thấp.

C. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng phong phú.

D. Có nhiều cơ sở, phân bố rộng khắp trên cả nước.

**Câu 15.** Đây là cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thành 3 phân ngành.

A. Công dụng của sản phẩm. B. Đặc điểm sản xuất.

C. Nguồn nguyên liệu. D. Phân bố sản xuất.

**Câu 16.** Đây là những địa danh làm nước mắm nổi tiếng nhất ở nước ta.

A. Cát Hải (Hải Phòng), Nam Ô ( Đà Nẵng), Tuy Hoà (Phú Yên).

B. Phú Quốc ( Kiên Giang), Long Xuyên (An Giang), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng

Tàu).

C. Cát Hải (Hải Phòng), Phan Thiết (Bình Thuận), Phú Quốc (Kiên Giang).

D. Phan Thiết (Bình Thuận), Nha Trang (Khánh Hoà), Tuy Hoà (Phú Yên).

**Câu 17.** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của

nước ta hiện nay vì :

A. Có thế mạnh lâu dài để phát triển.

B. Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp.

C. Có liên quan, tác động đến sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế khác.

D. đem lại hiệu quả cao

**Câu 18.** Các địa điểm dưới đây, nơi nào là một điểm công nghiệp ?

A. Quy Nhơn. B. Tĩnh Túc. C. Bắc Giang. D. Hạ Long.

**Câu 19.** Hình thức tổ chức lãnh thổ nào sau đây không được xem tương đương với một khu công nghiệp ?

A. Khu chế xuất. B. Khu công nghệ cao.

C. Khu công nghiệp tập trung. D. Khu kinh tế mở.

**Câu 20.** Các nhân tố bên trong ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp là:

A. Tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế-xã hội, thị trường.

B. Vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế-xã hội.

C. Tài nguyên thiên nhiên, thị trường, hợp tác quốc tế.

D. Thị trường, vị trí địa lí, điều kiện kinh tế-xã hội.

Câu 21. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng có diện tích đất phi nông nghiệp nhiều nhất là vùng nào?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên.

C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 22**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất?

A. Đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

B. Đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả.

C. Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản. D. Đất lâm nghiệp có rừng.

**Câu 23**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết trong các vùng sau, vùng nào nuôi trâu nhiều nhất?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng Sông Hồng.

C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam trung Bộ.

**Câu 24**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây ăn quả không phải là cây chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên.

C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 25**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây mía không phải là cây chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

**Câu 26**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60 % ?

A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

**Câu 27**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực trên 90 % ?

A. Thái Bình. B. Thanh Hóa. C. Hòa Bình. D. Nghệ An.

**Câu 28**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết cây chè phân bố ở các tỉnh nào sau đây ?

A. Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

B. Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

C. Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Lâm Đồng.

D. Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

**Câu 29.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có sản lượng lúa cao nhất ?

A. Cần Thơ. B. Sóc Trăng. C. An Giang. D. Trà Vinh.

**Câu 30**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm cao nhất ?

A. Đắc Nông. B. Lâm Đồng. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

**Câu 31**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm trên 9 triệu con?

A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

**Câu 32**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào không có diện tích trồng cây lúa so với diện tích trồng cây lương thực từ 60-70% ?

A. Lạng Sơn. B. Thái Nguyên. C. Bắc Cạn. D. Tuyên Quang.

**Câu 33**

Cho bảng số liệu: Năng suất lúa cả năm của cả nước, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng Sông Cửu Long. *(tạ/ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Cả nước | Đồng bằng sông Hồng | Đồng Bằng Sông Cửu Long |
| 1995 | 36.9 | 44.4 | 40.2 |
| 2000 | 42.4 | 55.2 | 42.3 |
| 2005 | 48.9 | 54.3 | 50.4 |

Nhận xét nào sau đây đúng:

A. năng suất lúa cả nước tăng liên tục qua các năm

B. năng suất luấ ĐBSH cao hơn ĐBSCL

C.năng suất lúa của ĐBSH năm 1995 thấp hơn ĐBSCL

D.năng suất lúa ĐBSCL tăng đều qua các năm

**Câu 34:**

Cho bảng số liệu: Diện tích gieo trồng lúa cả năm của cả nước, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng Sông Cửu Long. *(nghìn ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Cả nước | Đồng bằng sông Hồng | Đồng Bằng Sông Cửu Long |
| 1995 | 6766 | 1193 | 3193 |
| 2000 | 7666 | 1213 | 3946 |
| 2005 | 7329 | 1139 | 3826 |

Nên vẽ biểu đồ nào trong các dạng biểu đồ dưới đây:

A. cột B. đường biểu diễn C. tròn D. miền

**Câu 35**

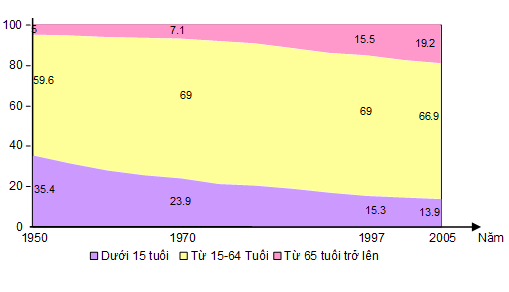
Cho bảng số liệu: Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu nước ta giai đoạn 1990 – 2005 *( đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 1992 | 1994 | 1996 | 1998 | 2000 | 2005 |
| Giá trị xuất khẩu | 2.4 | 2.5 | 4.1 | 7.3 | 9.4 | 14.5 | 32.4 |
| Giá trị nhập khẩu | 2.8 | 2.6 | 5.8 | 11.1 | 11.5 | 15.6 | 36.8 |

Chọn dạng biểu đồ thích hợp cho bảng số liệu trên:

A.cột B. đường biểu diễn C. miền D. tròn

**Câu 36**: cho biết biểu đồ dưới đây còn thiếu nội dung gì?



A. tên biểu đồ B. chú thích C. số liệu D.kí hiệu

**Câu 37** Cho bảng số liệu:

|  |
| --- |
| Description: đề thi minh họa 2017, kỳ thi thpt quốc gia 2017, đề thi mẫu 2017 |
|  |

Theo bảng trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2005 và năm 2014?

**A.** Sản lượng ở Đồng bằng sông Cửu Long luôn lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.

**B.** Diện tích ở Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn sản lượng.

**C.** Diện tích tăng, sản lượng tăng ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Diện tích giảm, sản lượng tăng ở Đồng bằng sông Hồng.

HẾT…